

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

HAVEN S3

Giày an toàn S3 ESD bằn g **da** đầ y đủ **mái** oả th ể **thao**

Giày th ể thao HAVEN không làm kinh da nappa t ự nhiên, mang khả năng thoáng khí và th u ộc Mũi giày nanocarbon, đế giày hấp thụ số c và tính ESD mang su nhiên t và có

Những vật liệu cao cấp hơn	Da nguyên tấm
lót bên trong i tái chế lưới	
trong Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
iữa đế g i không dệt vả	
ngoài Đ	Cao su (NBR)
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S3 / SRC, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.525 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2011

CO_2 8.19 kg



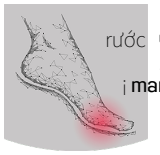
BLK



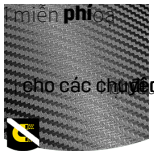
Mặt **trên** bằng **da thoáng khí** Da tự nhi các ứng dụng linh hoạt



X ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ch tia lửa do tích điện. 00 kiloOhm và 100 MegaOhm.



rước Hấp thụ **năng** lượng **cho bàn chân** t Sự hấp thụ i mang lên



miễn **phí** oà **Kim** l Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên



S3 Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi bảo vệ chống lại nguy cơ chấn thương đế và nghiền nát bàn chân.



rước là một trong những tính năng quan trọng của giày bảo hộ SRC. Để vượt qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.

Công nghiệp **n:**

Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, Hoá h ọ c , phục vụ ăn uố n g, Thự c phẩm & đ Ngành công n ghiệp , thiết bị v ề y tế ông nghiệp, thiết bị

ường: **Môi** t

rư ờn g môi khô, Bề mặt cự c mượn ờn, ngăn môi ề mặt ẩm áp

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp cách nhiệt Không phơi

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Da nguyên** t ấm **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm hút ẩm ơ	? 0.8		1.1	ờ	mg/cm/g
	Top: hi nụ sốc ơ	? 15		21		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ơ					
	L ớp lót: thấm hút ẩm ơ	? 2		3.7	ờ	mg/cm/g
	lót: hi nụ sốc ơ	? 20		54		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**Cao su (NBR)**					
	Ch ố n trượt mài mòn ế ngoài (	? 150		113		mm
	a đế ngoài SRA- gót chân	? 0.28		0.42		ma sát
	a đế ngoài SRA- Phầ t g	? 0.32		0.46		ma sát
	a đế ngoài SRB- gót chân	? 0.13		0.15		ma sát
	ế ngoài SRB- phần g	? 0.18		0.19		ma sát
	Giá t tính điệ n	0.1 - 1000		N/A		megaohm
	Giá t	0.1 - 100		85		megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g gót chân ủ	? 20		24		J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		14		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		14.5		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có thể có và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO phát** thả					
	V ật l iệu		5.91		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			8.19 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		18%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:

rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.